

Số: 20 /NQ-HĐND

Bến Thành, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
phường Bến Thành năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH
KỲ HỌP THỨ TƯ, NHIỆM KỲ 2026 -2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bến Thành năm 2026;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 phường Bến Thành; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-BKTNS ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bến Thành năm 2026, cụ thể như sau:

“2. Dự toán thu ngân sách phường 519,821 tỷ đồng

2.1. Dự toán thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp: 38,100 tỷ đồng gồm:

- Thu ngân sách hưởng 100%	8,700 tỷ đồng
+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8,00 tỷ đồng
+ Thu phí, lệ phí	0,46 tỷ đồng
+ Thu khác	0,24 tỷ đồng
- Thu ngân sách được hưởng theo tỷ lệ điều tiết (70%):	29,400 tỷ đồng

Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất

29,400 tỷ đồng

2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

481,721 tỷ đồng

- Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên:

153,049 tỷ đồng

- Số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương:

184,518 tỷ đồng

- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 144,154 tỷ đồng. Trong đó: Thu bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 0,35 tỷ đồng.

3. Dự toán chi ngân sách phường:

519,821 tỷ đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển:

0,350 tỷ đồng

- Chi thường xuyên:

519,471 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp kinh tế

8,853 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp môi trường

19,197 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

261,111 tỷ đồng

+ Chi khoa học và công nghệ

0 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp y tế

43,993 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp văn hóa

0,85 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp Thể dục Thể thao

0 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp xã hội

52,006 tỷ đồng

+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể

82,688 tỷ đồng

+ Chi an ninh

18,190 tỷ đồng

+ Chi Quốc phòng

15,432 tỷ đồng

+ Chi khác

3,403 tỷ đồng

- Dự phòng ngân sách:

13,748 tỷ đồng

(Đính kèm các Phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường Bến Thành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Bến Thành tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Bến Thành, kỳ họp thứ tư (kỳ họp thường lệ giữa năm), nhiệm kỳ 2026 - 2031 thông qua ngày 16 tháng 07 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực Hội đồng nhân dân phường;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Tố Nga



Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH(Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Dự toán điều chỉnh đợt này			Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Dự toán tăng để thực hiện các nhiệm vụ phường	Tổng cộng	
A	B	1	2	3	4=2+3	5=1+4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	484.143	(3.028)	38.706	35.678	519.821
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	38.100	-	-	-	38.100
-	Thu NSDP hưởng 100%	8.700			-	8.700
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	29.400			-	29.400
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	446.043	(3.028)	38.706	35.678	481.721
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	155.284	(2.252)	17	(2.235)	153.049
2	Thu bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	179.460	(776)	5.834	5.058	184.518
3	Thu bổ sung có mục tiêu	111.299	-	32.855	32.855	144.154
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	-
IV	Thu kết dư				-	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				-	-
VI	Thu để lại quản lý qua NSNN					
B	TỔNG CHI NSDP	484.143	(3.028)	38.706	35.678	519.821
I	Tổng chi cân đối NSDP	484.143	(3.028)	38.706	35.678	519.821
1	Chi đầu tư phát triển	350			-	350
2	Chi thường xuyên	470.045	(3.028)	38.706	35.678	505.723
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-	-
5	Dự phòng ngân sách	13.748			-	13.748
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-			-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	-	-	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất					
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					-
III	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NS	-			-	-
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP					

Ghi chú:

(1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả nợ lãi vay, thu - chi quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và chi trả nợ gốc.

(3) Đối với các chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.



Biểu mẫu số 16

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày		Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C+D+E+F+G)	3.500.000	484.143	-	35.678	3.500.000	519.821
A	Tổng các khoản thu NSNN (I+II+III+IV)	3.500.000	38.100	-	-	3.500.000	38.100
I	Thu nội địa	3.500.000	38.100	-	-	3.500.000	38.100
1	Thu từ khu vực DNNN do TW, địa phương quản lý	-	-			-	-
2	Thu từ khu vực DN nhà nước do ĐP quản lý	100.000	-			100.000	-
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	250.000				250.000	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.143.000	-			2.143.000	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	856.000				856.000	-
6	Thuế bảo vệ môi trường					-	-
7	Lệ phí trước bạ	105.000	29.400			105.000	29.400
8	Thu phí, lệ phí	23.000	460			23.000	460
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	8.000			8.000	8.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					-	-
12	Thu tiền sử dụng đất	3.000				3.000	-
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					-	-
14	Thu khác ngân sách	12.000	240			12.000	240
II	Thu từ dầu thô	-	-			-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	-	-			-	-
IV	Thu viện trợ	-	-			-	-
B	THU CHUYÊN NGUỒN	-	-			-	-
C	THU KẾT DƯ	-	-			-	-
D	BỔ SUNG TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	-				-	-
E	THU HUY ĐỘNG	-	-			-	-
F	THU BÁN ĐẦU GIÁ ĐẤT CÔNG	-	-			-	-
G	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	446.043		35.678	-	481.721



Biểu mẫu số 17

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung (1)	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Dự toán tăng để thực hiện các nhiệm vụ chi	
A	B	I	2	3	4=I+2+3
	TỔNG CHI NSDP	484.143	-	35.678	519.821
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	484.143	-	35.678	519.821
I	Chi đầu tư phát triển	350	-	-	350
1	Chi đầu tư cho các dự án	350			350
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				-
3	Chi đầu tư phát triển khác				-
II	Chi thường xuyên	470.045		35.678	505.723
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	261.111			261.111
2	Chi khoa học và công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-
V	Dự phòng ngân sách	13.748			13.748
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-	-
I	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-
II	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-
C	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NS	-	-	-	-
D	CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU				



Biểu mẫu số 34

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 23/12/2025	Dự toán điều chỉnh đợt này			Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Tăng để thực hiện các nhiệm vụ chi	Tổng cộng	
A	B	I	2	3	4=2+3	5=I+4
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	484.143	(3.028)	38.706	35.678	519.821
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI					
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	484.143	(3.028)	38.706	35.678	519.821
I	Chi đầu tư phát triển	350	-	-	-	350
II	Chi thường xuyên	470.045	(3.028)	38.706	35.678	505.723
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	261.111			-	261.111
-	Chi khoa học và công nghệ				-	-
-	Chi quốc phòng	15.432			-	15.432
-	Chi An Ninh và trật tự an toàn xã hội	18.190			-	18.190
-	Chi y tế, dân số và gia đình	30.734		13.259	13.259	43.993
-	Chi văn hóa thông tin	850			-	850
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				-	-
-	Chi thể dục thể thao	-			-	-
-	Chi bảo vệ môi trường	718		18.479	18.479	19.197
-	Chi các hoạt động kinh tế	1.911		6.942	6.942	8.853
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	85.690	(3.028)	26	(3.002)	82.688
-	Chi bảo đảm xã hội	52.006			-	52.006
-	Chi thường xuyên khác	3.403			-	3.403
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				-	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-	
VI	Dự phòng ngân sách	13.748		-	-	13.748
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
C	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH					
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU					

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(3) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



Biểu mẫu số 39

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỔ BỔ SUNG CÂN ĐỐI
TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn (Nguồn cải cách tiền lương còn lại của đơn vị dùng để cân đối chi thường xuyên)	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết					
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8	9=2+5+6+7+8
	TỔNG SỐ	18.015	38.100	8.700	29.400	153.049	184.518	144.154	0	519.821
1	Phường Bến Thành	18.015	38.100	8.700	29.400	153.049	184.518	144.154	0	519.821



Biểu mẫu số 41

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG PHƯỜNG BẾN THÀNH NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T		Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương															Chi chương trình mục tiêu				Chi chuyển nguồn sang năm sau
				Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên					Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương (1)	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
				Trong đó		Chi đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó		Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ										
				Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ					Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất									Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		
A	B		1=2+14+18	2=3+9+12+13	3=6+7+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18			
	TỔNG SỐ		519.821	519.821	350	50	0	0	0	0	505.723	261.111	0	13.748	0	0	0	0	0	0	0		
1	Phường Bến Thành		519.821	519.821	350	50					505.723	261.111		13.748		0							



Biểu mẫu số 42

DỰ TOÁN BỔ SUNG CỎ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 80 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2026 trước khi điều chỉnh				Điều chỉnh đợt này				Dự toán năm 2026 sau khi điều chỉnh			
		Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10=2+6	11=3+7	12=4+8
	TỔNG SỐ	111.299	350	110.949	0	32.855	0	32.855	0	144.154	350	143.804	0
1	Phường Bến Thành	111.299	350	110.949	0	32.855	0	32.855	0	144.154	350	143.804	0



Biểu mẫu số 44

DỰ TOÁN BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **20** /NQ-HĐND ngày **16** tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2026 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh đợt này		Dự toán năm 2026 sau khi điều chỉnh	
		Tổng số	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Tổng số	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Tổng số	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ
A	B	1=2	2	3=4	4	5=1+3	6=2+4
	TỔNG SỐ	110.949	110.949	32.855	32.855	143.804	143.804
1	Phường Bến Thành	110.949	110.949	32.855	32.855	143.804	143.804





DANH MỤC, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Đính kèm Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư										Giá trị khối lượng thời gian thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025										Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025										Kế hoạch năm 2026				
					Tổng mức đầu tư được duyệt										Thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025										Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025										Kế hoạch năm 2026				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn														
						Nước ngoài	Ngân sách trung ương	Khác	Tổng số	Nước ngoài	Ngân sách trung ương	Khác	Tổng số		Nước ngoài	Ngân sách trung ương	Khác	Tổng số		Nước ngoài	Ngân sách trung ương	Khác																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20																				
A	Tổng số				145,628	-	-	145,628	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	0,350																			
A	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC				20,000	-	-	20,000	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,050																			
I	Chu đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Bến Thành				20,000	-	-	20,000	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,050																			
I	Chuẩn bị đầu tư:				20,000	-	-	20,000	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,050																			
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo trường THCS Đồng Khởi, phường Bến Thành	Phường Bến Thành		2026-2027	20,000			20,000	-			-			-		0			0,050																			
B	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (LINH VỰC GIAO THÔNG)				125,628	-	-	125,628	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	0,300																			
I	Chu đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Bến Thành				125,628	-	-	125,628	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	0,300																			
I	Chuẩn bị đầu tư:				125,628	-	-	125,628	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	0,300																			
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp 04 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Lê Thị Riêng, Đặng Trần Côn, Huyện Trần Công Chúa, Cách Mạng Tháng Tám)	Phường Bến Thành		2026-2028	24,141			24,141	-			-					0			0,05																			
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp 05 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Bùi Thị Xuân, Nam Quốc Cang, Lương Hữu Khánh, Tôn Thất Tùng, Công Quỳnh)	Phường Bến Thành		2026-2028	37,238			37,238	-			-					0			0,05																			
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp 03 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Kỳ Con, Calmette, Lê Thị Hồng Gấm)	Phường Bến Thành		2026-2027	31,570			31,570	-			-					0			0,05																			
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp 02 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Trinh Văn Căn, Phan Văn Trường)	Phường Bến Thành		2026-2027	5,272			5,272	-			-					0			0,05																			
5	Dự án Sửa chữa, cải tạo 10 hẻm phường Bến Thành (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Đề Thám, Đỗ Quang Dầu, Trần Hưng Đạo, Bùi Viện, Lương Hữu Khánh, Bùi Thị Xuân, Tôn Thất Tùng)	Phường Bến Thành		2026-2027	17,400			17,400	-			-					0			0,05																			
6	Dự án Sửa chữa, cải tạo 10 hẻm phường Bến Thành (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Yersin, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Thái Bình, Võ Văn Kiệt, Phó Đức Chính, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thủ Khoa Huân)	Phường Bến Thành		2026-2027	10,007			10,007	-			-					0			0,05																			

